

# TÁC ĐỘNG CỦA GIÁO DỤC KHỞI NGHIỆP VÀ NHÂN TỐ BỐI CẢNH ĐẾN Ý ĐỊNH KHỞI NGHIỆP CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

THE IMPACTS OF ENTREPRENEURSHIP EDUCATION AND CONTEXTUAL FACTORS ON ENTREPRENEURSHIP INTENTION OF HANOI UNIVERSITY OF INDUSTRY'S STUDENTS

Nguyễn Thị Kim Anh<sup>1</sup>, Đào Thị Hương Giang<sup>1</sup>, Lê Ba Phong<sup>2\*</sup>

## TÓM TẮT

Nghiên cứu nhằm mục tiêu đánh giá những tác động của giáo dục khởi nghiệp và nhân tố bối cảnh đến ý định khởi nghiệp của sinh viên trường Đại học Công nghiệp Hà Nội. Nghiên cứu được thực hiện dựa trên việc thu thập và phân tích số liệu từ 218 sinh viên trường Đại học Công nghiệp Hà Nội. Các phương pháp kiểm định Cronbach's Alpha, phân tích nhân tố khám phá (EFA) và hồi quy tuyến tính được sử dụng nhằm kiểm tra độ tin cậy của thang đo và mối quan hệ của các nhân tố trong mô hình nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu cho thấy giáo dục khởi nghiệp, những ý kiến đánh giá của người thân và quan điểm xã hội đều tạo ra những tác động tích cực đến ý định khởi nghiệp của sinh viên. Kết quả nghiên cứu nhấn mạnh sự cần thiết phải tăng cường công tác giáo dục khởi nghiệp trong nhà trường và xem đây là giải pháp mấu chốt để thúc đẩy ý định khởi nghiệp của sinh viên trường Đại học Công nghiệp Hà Nội (nói riêng và sinh viên cả nước nói chung).

**Từ khóa:** Ý định khởi nghiệp; giáo dục khởi nghiệp; sinh viên; Đại học Công nghiệp Hà Nội.

## ABSTRACT

The study aims to investigate the impacts of entrepreneurship education and contextual factors on entrepreneurship intention of student's Hanoi University of Industry. This study is implemented based on the data collected from 218 students of Hanoi University of Industry. The Cronbach's Alpha, exploratory factor analysis (EFA) and linear regression analysis were applied to examine the reliability of measurements and calculate the relationship among the factors in the research model. The research findings indicated that entrepreneurship education, evaluation of relatives and social valuation have significant and positive effects on entrepreneurship intention of student's Hanoi University of Industry that the findings highlight the important role of enhancing entrepreneurship education as the key solution to improve the intention to business start-up of student's Hanoi University of Industry.

**Keywords:** Entrepreneurship intention; student; entrepreneurship education; Hanoi University of Industry.

<sup>1</sup>Lớp TCNH3-K11, Khoa Quản lý kinh doanh, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

<sup>2</sup>Khoa Quản lý kinh doanh, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

\*Email: lbp\_vn@yahoo.com

## 1. GIỚI THIỆU

Hoạt động khởi nghiệp đang ngày càng có vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế quốc gia, đặc biệt, thông

qua tạo việc làm và tăng tính đa dạng cho nền kinh tế (TS. Nguyễn Thị Thu Hà, 2018). Thúc đẩy ý định và hành vi khởi nghiệp của sinh viên được xem là giải pháp quan trọng để tạo động lực cho sự phát triển kinh tế của nhiều quốc gia như Israel, Mỹ, Đức, Anh (Kiều Châu, 2018) là những quốc gia nổi tiếng trong hoạt động khởi nghiệp. Và giáo dục khởi nghiệp đang là bước đi quan trọng trong công tác thúc đẩy khởi nghiệp của mỗi quốc gia. Hiểu được tầm quan trọng của giáo dục khởi nghiệp, Nhà nước ta đã có những động thái tích cực thúc đẩy phát triển giáo dục khởi nghiệp bằng việc ban hành Quyết định số 1665/QĐ-TTg phê duyệt đề án "Hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025". Thực hiện nghị quyết của Đảng và Chính phủ ngày càng có nhiều trường đại học hưởng ứng tổ chức các cuộc thi khởi nghiệp, các hoạt động thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp, đặc biệt còn xây dựng thêm các môn học liên quan đến khởi nghiệp. Bên cạnh đó, các đề tài nghiên cứu về nhân tố tác động đến ý định khởi nghiệp của sinh viên tại các tỉnh thành và trường đại học cũng xuất hiện nhằm mục đích xem xét các nhân tố tác động đến ý định khởi nghiệp sinh viên và đề xuất giải pháp cải thiện.

Xét riêng trường Đại học Công nghiệp Hà Nội là một trường đại học lớn với trên 30.000 sinh viên đang học tập thuộc 40 ngành nghề thì hoạt động giáo dục tại đây có ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng nhân lực của đất nước. Việc thực hiện giáo dục khởi nghiệp tại ngôi trường Đại học này rất cần thiết và đáng được quan tâm. Hiểu được tầm quan trọng của mình, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội đã luôn nỗ lực giảng dạy và thực hiện giáo dục khởi nghiệp tới sinh viên thông qua các cuộc thi khởi nghiệp ý tưởng kinh doanh, và các hoạt động nghiên cứu. Để trả lời cho câu hỏi: (1) Giáo dục khởi nghiệp tại trường Đại học Công nghiệp Hà Nội đã ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên như thế nào? Và (2) Nhân tố nào có ảnh hưởng quan trọng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên trường Đại học Công nghiệp Hà Nội?

Nhóm tác giả đã thực hiện nghiên cứu tác động giáo dục khởi nghiệp và nhân tố bối cảnh đến ý định khởi nghiệp của sinh viên trường Đại học Công nghiệp Hà Nội nhằm đặt cơ sở khoa học cho việc hoạch định các chính sách tạo lập

môi trường và các giải pháp kích thích tinh thần khởi nghiệp kinh doanh của sinh viên để huy động tối đa nguồn lực trẻ và trí tuệ của sinh viên vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước là có tính cấp thiết và tầm quan trọng trong bối cảnh hiện nay.

## 2. CƠ SỞ LÝ THUYẾT

### 2.1. Mối quan hệ giữa giáo dục khởi nghiệp và ý tưởng khởi nghiệp

Ý định là trạng thái nhận thức ngay trước khi thực hiện một hành vi, nó đại diện cho mức độ cảm hết về hành vi sẽ thực hiện trong tương lai. Gupta & Bhawe (2007) cho rằng ý định khởi nghiệp là một quá trình định hướng việc lập kế hoạch, triển khai tạo lập doanh nghiệp và thường bắt đầu từ việc họ nhận ra cơ hội, tận dụng các nguồn lực có sẵn và sự hỗ trợ của môi trường để tạo lập doanh nghiệp của riêng mình.

Ý định khởi nghiệp sinh viên là xuất phát từ các ý tưởng từ chính họ, được định hướng đúng đắn từ chương trình giáo dục và những người đào tạo (Schwarz & cs, 2009). Như vậy, nhiệm vụ của giáo dục khởi nghiệp là giáo dục, bồi dưỡng năng lực, kỹ xảo và các phẩm chất cá nhân như tính sáng tạo, tính đổi mới, tính cách tân cho các thế hệ trẻ (GS.TS. Phạm Tất Dong, 2016).

Mối quan hệ và tác động tích cực của giáo dục khởi nghiệp đối với ý định khởi nghiệp của sinh viên được thể hiện bởi nhiều tác giả (ví dụ, Francisco Liñán & cs, 2011; Askun & Yildirim, 2011; Phan Anh Tú & Trần Quốc Huy, 2017). Cụ thể, ở cấp đại học, vai trò chính của giáo dục khởi nghiệp là tăng cường nhận thức của sinh viên và làm nổi bật con đường khởi nghiệp như một lựa chọn khả năng nghề nghiệp khả thi (Donckels, 1991). Môi trường giáo dục tinh thần khởi nghiệp và ý định kinh doanh có mối liên kết tích cực với nhau. Nghiên cứu Karali (2013) đã khám phá ra sức ảnh hưởng của các chương trình giáo dục khởi nghiệp đến ý định khởi nghiệp của sinh viên trong giáo dục đại học ở Hà Lan. Kết quả cho thấy, những người tham gia GDKN có xu hướng khởi nghiệp cao hơn so với những người không tham gia. Tuy nhiên, giáo dục khởi nghiệp tại Việt Nam sẽ có những khác biệt nhất định, do vậy cần có nghiên cứu về mức độ ảnh hưởng của chương trình GDKN tác động đến ý định khởi nghiệp trong sinh viên nhằm có giải pháp thích hợp. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất giả thuyết sau:

*H1: Giáo dục khởi nghiệp có tác động tích cực đến ý định của sinh viên trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.* Nghĩa là, các trường đại học cung cấp cho sinh viên càng nhiều kiến thức khởi nghiệp, có nhiều hoạt động khuyến khích sinh viên mạnh dạn khởi nghiệp, môi trường học tập tại trường truyền cảm hứng cho sinh viên khởi nghiệp,... thì ý định khởi nghiệp của sinh viên càng cao.

### 2.2. Mối quan hệ giữa ảnh hưởng của người thân và ý định khởi nghiệp

Theo nghiên cứu của Pablo Lerchundi và cộng sự năm 2015 nghiên cứu về sự ảnh hưởng của nghề nghiệp cha mẹ

lên sự lựa chọn nghề nghiệp của con cái đã đưa ra nhận xét: Cha mẹ tự kinh doanh là tấm gương điển hình về khởi nghiệp và thúc đẩy ý định khởi nghiệp cho con cái. Trong khi, cha mẹ làm việc cho các tổ chức công lại không phải là tấm gương khởi nghiệp cho con cái, cản trở ý định khởi nghiệp. Hầu hết, con cái của bố mẹ làm trong tổ chức công sẽ được giáo dục và định hướng tư tưởng làm công ăn lương, công việc mang tính ổn định không có nhiều khó khăn, thử thách. Ngược lại, con cái của những cha mẹ đã tự kinh doanh luôn nhận được giáo dục về khởi nghiệp và mạo hiểm kinh doanh, chấp nhận gian nan, thử thách để đi tới thành công.

Theo bài nghiên cứu của Dyer năm 1992 nhiều doanh nhân có những kinh nghiệm từ cha hoặc mẹ làm kinh doanh. Người con sẽ lấy tấm gương của cha mẹ làm động lực để cố gắng, và là mục tiêu, nó thôi thúc họ phải đạt được sự nghiệp như bố mẹ mình. Nhìn nhận của cá nhân về tính hấp dẫn của khởi sự kinh doanh chịu ảnh hưởng mạnh mẽ bởi sự ủng hộ của những người gần gũi như người thân, bạn bè, và những người họ cho là quan trọng theo nghiên cứu (Nguyễn Thu Thủy, năm 2015). Từ đó, nghiên cứu đề xuất giả thuyết sau:

*H2: Ảnh hưởng của người thân có ảnh hưởng tích cực đến ý định khởi nghiệp của sinh viên trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.*

### 2.3. Mối quan hệ giữa ảnh hưởng của xã hội và ý định khởi nghiệp

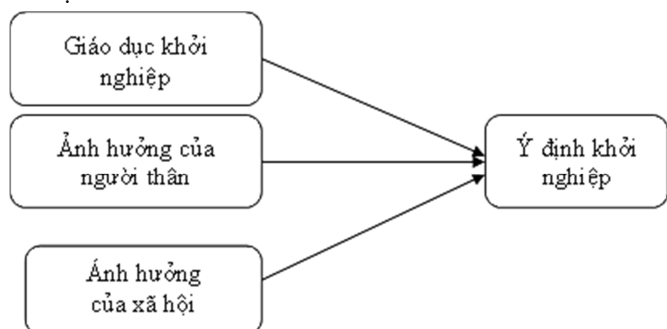
Theo nghiên cứu của Sesen (2013) đã phân tích sâu hơn mô hình Schwarz ở khía cạnh các yếu tố môi trường bao gồm "thông tin kinh doanh", "mối quan hệ xã hội", "môi trường khởi nghiệp ở trường đại học". Kết quả cho thấy ngoại trừ các yếu tố "khả năng tiếp cận vốn", "môi trường khởi nghiệp ở trường đại học", các yếu tố còn lại như "thông tin kinh doanh", "mối quan hệ xã hội", "môi trường khởi nghiệp ở trường đại học", tác động tích cực đến "ý định khởi nghiệp".

Theo bài nghiên cứu "Các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành Quản trị kinh doanh tại các trường đại học ở thành phố Cần Thơ" của Nguyễn Quốc Nghi năm 2016, nghiên cứu đã chỉ ra rằng chính sách của chính phủ và địa phương là tác động tích cực đến ý định khởi nghiệp của sinh viên.

Chính sách của Nhà nước giữ vai trò quyết định trong việc tạo môi trường kích thích những ý định tích cực và thúc đẩy chúng thành hành động khởi nghiệp. Khoảng cách từ ý định đến hành động khởi nghiệp ngắn hay dài là phụ thuộc vào hoàn cảnh kinh tế, xã hội của từng quốc gia. Quá trình khởi nghiệp bắt nguồn từ từ những ý định được ấp ủ trong môi trường sống gia đình, cộng đồng. Tại đây chứa đựng những tác nhân hình thành ý định khởi nghiệp. Nhà nước có vai trò trong việc tạo lập môi trường thúc đẩy khởi nghiệp sao cho việc gia nhập hoặc rời khỏi thị trường dễ dàng và ít gặp các rủi ro về pháp lý cần được xem là nguyên tắc xuyên suốt.

Ngoài việc có một chính sách tốt, một môi trường văn hóa phù hợp cho hoạt động khởi nghiệp thì cái nhìn của xã hội đối với hoạt động khởi nghiệp cũng rất là quan trọng. Việc trở thành doanh nhân có được đánh giá cao hay không? Mọi người có xem trọng những người khởi nghiệp hay không? Và việc khởi nghiệp có mang lại gì cho đất nước hay không? Là những điều mà mỗi người có ý định khởi nghiệp đều quan tâm. Những vị doanh nhân trẻ, tự thân khởi nghiệp được tuyên dương, việc xem trọng những con người như vậy sẽ thôi thúc mỗi sinh viên ngày càng mong muốn khởi nghiệp. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất giả thuyết sau:

H3: Ảnh hưởng của xã hội có ảnh hưởng tích cực đến ý định khởi nghiệp của sinh viên trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.



Hình 1. Mô hình nghiên cứu đề xuất

### 3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Để đạt được mục tiêu nghiên cứu, nhóm tác giả sử dụng hài hòa cả phương pháp định tính và định lượng. Trong đó, với phương pháp định tính, nhóm tác giả tiến hành thu thập, tổng hợp, một cách có hệ thống các tài liệu, các công trình nghiên cứu có liên quan đến các biến nghiên cứu trong mô hình nghiên cứu, từ đó tiến hành phân tích phản ánh và rút ra bản chất, mối liên hệ giữa các nhân tố. Bên cạnh đó, để đưa ra bằng chứng xác thực về mối quan hệ giữa các biến số trong mô hình nghiên cứu, nhóm tác giả cũng sử dụng phương pháp định lượng thông qua việc thu thập số liệu bảng hỏi và tiến hành phân tích xử lý số liệu trên phần mềm thống kê SPSS.

#### 3.1. Mẫu nghiên cứu

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp khảo sát thông qua bảng hỏi để thu thập dữ liệu sơ cấp. Các biến quan sát được phát triển dựa trên các nghiên cứu có trước được nhóm tác giả sưu tập và sử dụng để đo lường cấu trúc trong mô hình nghiên cứu hiện tại. Tác giả đã thực hiện chỉnh sửa và thực hiện khảo sát thử với 15 bạn sinh viên trong trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.

Mẫu nghiên cứu được thực hiện theo phương pháp lựa chọn mẫu ngẫu nhiên đến từ các bạn sinh viên trường Đại học Công nghiệp Hà Nội ở tất cả các ngành trong trường. Nhóm tác giả đã phát 250 phiếu và thu về được 250 phiếu trong đó có 218 phiếu hợp lệ để đưa vào phân tích. The Hair & cộng sự (2006), kích thước mẫu phải lớn hơn 5 lần số biến quan sát. Trong nghiên cứu của tác giả, có 20 biến

quan sát cho việc đo lường 4 nhân tố, do đó số phiếu đảm bảo là  $20 \times 5 = 100$ , do đó với 218 phiếu, nghiên cứu đã đảm bảo tốt tiêu chuẩn để thực hiện phân tích hồi quy.

#### 3.2. Đo lường

Để đo lường các nhân tố trong mô hình nghiên cứu, nhóm tác giả sử dụng các thang đo lấy từ các nghiên cứu có uy tín và độ tin cậy. Các biến quan sát được đo lường bằng thang đo Likert năm mức độ (với 1: Hoàn toàn không đồng ý, 2: Không đồng ý, 3: Bình thường, 4: Đồng ý và 5: Hoàn toàn đồng ý). Cụ thể, nhóm tác giả sử dụng hai biến quan sát của Michael Lorz (2011), 02 biến của Francisco & cs (2011) và 01 biến tác giả tự đề xuất để đo lường ý định khởi nghiệp của sinh viên. Với thang đo “Giáo dục khởi nghiệp”, nhóm tác giả đã sử dụng 05 biến của Francisco & cs (2011) và 02 biến quan sát của Ooi & cs (2011), 01 biến của Lê Thị Phương Ngọc (2019). Tác giả sử dụng 07 biến quan sát của Francisco & cs (2011) để đo lường hai khía cạnh ảnh hưởng của người thân và ảnh hưởng của xã hội.

### 4. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

#### 4.1. Kết quả phân tích Cronbach’s Alpha và phân tích nhân tố khám phá EFA

Với kết quả thống kê (bảng 1), Cronbach’s Alpha của các thang đo dao động từ 0,665 đến 0,843 đều lớn hơn 0,6 và các hệ số tương quan biến tổng đều lớn hơn 0,3 đảm bảo được yêu cầu về độ tin cậy để đo lường các nhân tố. Tác giả tiếp tục thực hiện phân tích nhân tố khám phá (EFA) nhằm đánh giá tính hội tụ và phân biệt của các cấu trúc. Cụ thể, với kết quả phân tích EFA, các nhân tố đều có hệ số KMO lớn hơn 0 và nhỏ hơn 1. Hệ số tải nhân tố (Factor loadings) đều nằm trong khoảng 0,653 đến 0,848, tổng phương sai trích lớn hơn 50% và  $p < 0,05$  chứng tỏ mô hình đáp ứng tiêu chí hội tụ.

Bảng 1. Độ tin cậy của mô hình đo lường

Các cấu trúc	Mean	SD	Item	Loading	C $\alpha$
Ý định khởi nghiệp	3,36	0,70	YDKN1	0,685	0,843
			YDKN2	0,789	
			YDKN3	0,852	
			YDKN4	0,763	
			YDKN5	0,837	
Giáo dục khởi nghiệp	3,44	0,53	GDKN1	0,757	0,760
			GDKN2	0,748	
			GDKN3	0,668	
			GDKN4	0,717	
			GDKN5	0,667	
			GDKN6	0,840	
			GDKN7	0,841	
			GDKN8	0,855	
Ảnh hưởng của người thân	3,10	0,72	AHNT1	0,848	0,767
			AHNT2	0,720	
			AHNT3	0,848	

Ảnh hưởng của xã hội	3,39	0,64	AHXH1	0,730	0,665
			AHXH2	0,709	
			AHXH3	0,653	
			AHXH4	0,656	

#### 4.2. Kết quả phân tích hồi quy

Kết quả phân tích hồi quy bội cho thấy mô hình xây dựng là phù hợp có ý nghĩa thống kê  $F = 31,227$  và  $p < 0,05$ . Các yếu tố trong mô hình có thể giải thích được 29,5% ý định khởi nghiệp của sinh viên. Mô hình không xảy ra hiện tượng đa cộng tuyến, hiện tượng tương quan hay phần dư phân phối chuẩn. Kết quả thống kê phân tích các hệ số hồi quy trong bảng trên cho thấy các giá trị ở cột sig đều nhỏ hơn 5% chứng tỏ rằng 3 biến độc lập GDKN, AHNT, AHXH đều tác động có ý nghĩa thống kê đến biến phụ thuộc YDKN. Nghĩa là các giả thuyết H1, H2, H3 đều được chấp nhận.

Dựa vào bảng kết quả hồi quy tuyến tính (bảng 2), ta có phương trình hồi quy tuyến tính bội chuẩn hóa sau:

$$YDKN = 0,293 * GDKN + 0,236 * AHNT + 0,241 * AHXH$$

Bảng 2. Kết quả phân tích hồi quy

Mô hình	Hệ số chưa chuẩn hóa		Hệ số chuẩn hóa	t	Sig.	Thống kê đa cộng tuyến	
	B	Sai số chuẩn	Beta			Dung sai	VIF
1 (Hằng số)	0,413	0,315		1,310	0,192		
GDKN	0,390	0,080	0,293	4,852	0,000	0,891	1,123
AHNT	0,229	0,060	0,236	3,814	0,000	0,848	1,179
AHXH	0,264	0,066	0,241	4,007	0,000	0,900	1,111

a. Biến phụ thuộc: YDKN

#### 4.3. Kiểm định sự khác biệt

Nghiên cứu sử dụng kiểm định Independent sample T-test và Anova để kiểm định sự khác nhau trong ý định khởi nghiệp sinh viên có giới tính, năm học, ngành học và khu vực sống. Sau khi thực hiện kiểm định, cho thấy giữa sinh viên Nam và sinh viên Nữ trường Đại học Công nghiệp Hà Nội không có sự khác biệt về ý định khởi nghiệp nhưng qua ngành học thì với sinh viên kinh tế có ý định khởi nghiệp cao hơn sinh viên ngành kỹ thuật. Về năm học và khu vực sống, cho kết quả không có sự khác biệt lớn giữa sinh viên các năm nhưng với sinh viên năm 3 và năm 4 lại có ý định khởi nghiệp cao hơn vì họ có cơ hội tiếp xúc với nhiều hoạt động và các môn học hơn. Còn về khu vực sống vì các vùng nông thôn đã có thể tiếp cận với nhiều thông tin nhờ tốc độ phát triển của Internet dẫn đến việc khởi nghiệp với họ không còn xa lạ, thậm chí ý định khởi nghiệp của các bạn sinh viên từ nông thôn cũng ngày càng nhiều lên.

#### 4.4. Thảo luận

Nhân tố giáo dục khởi nghiệp (GDKN) có hệ số hồi quy  $\beta = 0,293$  và mang dấu dương nên có quan hệ thuận chiều với nhân tố ý định khởi nghiệp, thỏa mãn với kỳ vọng ban

đầu và đây là nhân tố có tác động mạnh nhất trong 3 nhân tố trên. Như vậy, với các giả định khác không đổi, nếu sinh viên được học tập trong một môi trường lý tưởng để học về khởi nghiệp, được cung cấp những kiến thức cơ bản về khởi nghiệp, tham gia các hoạt động khuyến khích khởi nghiệp, kích thích sự mạnh dạn ngay từ khi còn ở ghế nhà trường, được truyền cảm hứng khởi nghiệp thì tỷ lệ dự định khởi nghiệp của sinh viên sẽ tăng lên (tỷ lệ tăng tương ứng 1:0,293 đơn vị).

Nhân tố có tác động mạnh thứ 2 trong mô hình là ảnh hưởng của xã hội (AHXH) với hệ số hồi quy  $\beta = 0,241$  và mang dấu dương thể hiện tác động thuận chiều với nhân tố ý định khởi nghiệp (YDKN). Với các giả định khác không đổi thì, nếu vai trò doanh nhân trong xã hội ngày càng được đánh giá cao cùng với những chính sách thuận lợi cho khởi nghiệp thì mong muốn khởi nghiệp của sinh viên sẽ tăng lên (tỷ lệ tăng tương ứng 1:0,241 đơn vị).

Tiếp đến là nhân tố ảnh hưởng của người thân (AHNT) với hệ số hồi quy 0,236 không chênh lệch nhiều so với nhân tố ảnh hưởng của xã hội (AHXH), hệ số hồi quy mang dấu dương thể hiện tác động thuận chiều với nhân tố ý định khởi nghiệp, thỏa mãn với kỳ vọng ban đầu của tác giả. Có thể thấy, nếu các giả định khác không đổi thì nếu gia đình, bạn bè, đồng nghiệp và những người xung quanh ngày càng đánh giá cao hoạt động khởi nghiệp, xem trọng vai trò này thì sẽ ngày càng thúc đẩy ý định khởi nghiệp của sinh viên tăng lên (tỷ lệ tăng tương ứng 1:0,236 đơn vị).

#### 5. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Kết quả nghiên cứu này cho thấy các nhân tố giáo dục khởi nghiệp, ảnh hưởng của người thân hay ảnh hưởng của xã hội đều có sự ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp. Kết quả nghiên cứu về giáo dục khởi nghiệp có sự tác động mạnh nhất đến ý định khởi nghiệp so với 02 nhân tố còn lại và điều này có sự tương đồng với một số nghiên cứu trước đây (Nguyễn Thị Phương Ngọc, 2019; Phan Anh Tú, 2017).

Dựa trên kết quả nghiên cứu, tác giả đề xuất một số khuyến nghị nhằm thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp sinh viên trường Đại học Công Nghiệp Hà Nội như sau:

Thứ nhất, làm công tác truyền thông để nhiều người biết đến môn "Khởi sự kinh doanh" trong chương trình giảng dạy của nhà trường, nên mở rộng là môn học tự chọn đối với các bạn sinh viên ngành kỹ thuật.

Thứ hai, tăng cường các hoạt động ngoại khóa hội nghị và hội thảo về kinh doanh. Các hoạt động ngoại khóa là phương thức tăng cường phát triển năng lực kinh doanh và mong muốn kinh doanh của sinh viên rất hiệu quả. Thường xuyên tổ chức ngày hội việc làm, ngày hội kinh doanh,... mời các nhà kinh doanh tới tham gia. Có nhiều chính sách hỗ trợ để đưa các dự án của sinh viên đi vào thực tế, là cầu nối để tìm kiếm các nhà đầu tư rót vốn vào cho các dự án của sinh viên mà có tiềm năng.

Thứ ba, đẩy mạnh công tác giáo dục, tuyên truyền, nâng cao ý thức khởi nghiệp và tinh thần doanh nhân cho sinh viên. Tạo các diễn đàn, kênh thông tin dành riêng cho

sinh viên trao đổi về vấn đề kinh doanh trên các phương tiện thông tin của trường như website, đài phát thanh, fanpage,... Tổ chức các cuộc thi về ý tưởng kinh doanh nhằm phát huy khả năng sáng tạo, thu hút được sự quan tâm của sinh viên.

Thứ tư, Chính phủ cần có nhiều khoản hỗ trợ cũng như hỗ trợ các trường đại học mở các lớp đào tạo, huấn luyện tác động đến ý định khởi nghiệp của sinh viên. Bên cạnh đó, cần có các chính sách hỗ trợ vốn, chính sách miễn giảm thuế thu nhập đối với những doanh nghiệp của sinh viên khởi nghiệp trong những năm đầu.

Cuối cùng là, Chính quyền địa phương nên tuyên truyền đến tất cả người dân để mọi người có cái nhìn đúng đắn và hiểu sâu hơn về khởi nghiệp, ủng hộ các bạn sinh viên sáng tạo, thoải mái thực hiện ý định khởi nghiệp của mình khi họ có ý định khởi nghiệp.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Phan Anh Tú, Trần Quốc Huy, 2017. *Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến ý tưởng khởi nghiệp kinh doanh của sinh viên trường Đại học Kỹ thuật Công nghệ Cần Thơ*. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ, 48, tr.96-103.
- [2]. Lương Ngọc Minh, 2019. *Nghiên cứu những nhân tố ảnh hưởng tới tinh thần khởi nghiệp của sinh viên trên địa bàn Hà Nội*. Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [3]. Nguyễn Quốc Nghi, 2016. *Các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành Quản trị kinh doanh tại các trường đại học ở thành phố Cần Thơ*. Tạp chí nghiên cứu khoa học, 10, tr.55-64.
- [4]. Thái Văn Thơ, Lý Ngọc Yến Nhi, 2018. *Giáo dục khởi nghiệp: Kinh nghiệm Trung Quốc và một số đề xuất đối với Việt Nam*. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ, 54, số 9C (2018):155-161.
- [5]. Nguyễn Thị Phương Ngọc, 2019. *Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến dự định khởi sự kinh doanh của sinh viên trường Đại học khu vực tỉnh Quảng Ngãi*. Luận án tiến sĩ, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam.
- [6]. Phạm Tất Dong, 2016. *Giáo dục và khởi nghiệp*. Hội khuyến học Việt Nam.
- [7]. Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc, 2005. *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS*. Nhà xuất bản Hồng Đức.
- [8]. Nguyễn Đình Thọ, 2013. *Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh thiết kế và thực hiện*. Nhà xuất bản Lao động - Xã hội.
- [9]. Cục thông tin Khoa học và Công nghệ quốc gia, 2018. *Tổng luận: Giáo dục và đào tạo khởi nghiệp hiện nay trên thế giới*. Trung tâm thông tin và Thống kê Khoa học và Công nghệ.
- [10]. Thủ tướng Chính phủ, 2017. *Quyết định số 1665/QĐ về "Hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025"*, ban hành ngày 30/10/2017, Hà Nội.
- [11]. Bộ GD&ĐT, 2018. *Quyết định số 1230/QĐ-BGDĐT ban hành kế hoạch triển khai Hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025*. Hà Nội.
- [12]. Ajzen, I, 1991. *Theory of planned behavior*. Organizational Behavior and Human Decision Processes.
- [13]. Alan Carsrud, Malin Brännback, 2011. *Entrepreneurial motivations: What do we still need to know?*. Journal of Small Business Management, 49(1), pp. 9-26.

[14]. Francisco Liñán, Juan C. Rodriguez-Cohard, José M.Rueda - Cantuche, 2011. *Factor affecting entrepreneurial intention levels: A role for education*. Int Entrep Manag J (2011) 7:195-218.

[15]. Francisco Liñán, David Urbano, Maribel Guerrero, 2011. *Regional Variations in Entrepreneurial Cognitions: Start-Up Intentions of University Students in Spain*. Entrepreneurship & Regional Development, 23:3-4, 187-215.

[16]. Duygu Turker, Senem Sonmez Selcuk, 2008. *Which factors affect entrepreneurial intention of university students?*. Journal of European Industrial Training, Vol 33 No.2, pp.142 -159.

[17]. Alain Fayolle, Benoit Gailly, 2015. *The Impact of Entrepreneurship Education on Entrepreneurial Attitudes and Intention: Hysteresis and Persistence*. Journal of Small Business Management 2015 53(1), pp. 75-93.

[18]. Ying Zhang, Geert Duysters, Myriam Cloudt, 2013. *The role of entrepreneurship education as a predictor of university students' entrepreneurial intention*. Int Entrep Manag J (2014) 10:623-641.

[19]. Cindy Millman, Zhengwei Li, Harry Matlay, Wang-chan Wong, 2010. *Entrepreneurship education and students' internet entrepreneurship intentions evidence from chinese HEIs*. Journal of Small Business and Enterprise Development, 4, pp.569-590.

[20]. Hair J. F., Black W. C., Babin B. J., Anderson R. E., Tatham R. L., 2006. *Multivariate data analysis*. 6th ed, Pearson Prentice Hall.

[21]. Krueger N.F, 1993. *The impact of prior entrepreneurial exposure on perceptions of new venture feasibility and desirability*. Entrepreneurship Theory and Practice, Fall, pg. 5-21.

[22]. Krueger, N.F Brazeal, 1994. *Entrepreneurial Potential and Potential Entrepreneurs*. Entrepreneurship Theory and Practice, 18(3), pg. 91-104.

[23]. Karali S., 2013. *The impact of entrepreneurship education programs on entrepreneurial intentions: An application of the theory of planned behavior*. Master Thesis, Erasmus University of Rotterdam.

[24]. Shapero A., Sokol L., 1982. *The social dimensions of entrepreneurship*. in Kent, C., Sexton, D. and Vesper, K. (Eds), The Encyclopedia of Entrepreneurship, Prentice-Hall, Englewood Cliffs, NJ, pg. 72-90.

[25]. Harun Sesen, 2013. *Personality or environment? A comprehensive study on the entrepreneurial intentions of university students*. Emerald Group Publishing Limited.

[26]. Michael Lorz, 2011. *The Impact of Entrepreneurship Education on Entrepreneurial Intention*. Dissertation, The University of St.Gallen, School of Management, Economics, Law, Social Sciences and International Affairs.

[27]. Ooi Y, K., Selvarajah C., Meyer D, 2011. *Inclination towards entrepreneurship among university students: An empirical study of Malaysian university students*. International Journal of Business and Social Social Science, 2 (4), pg. 206-220./.